

**ĐIỀU KIỆN ĐIỀU KHOẢN CHUNG VỀ CHO VAY VÀ THẾ CHẤP QUYỀN  
TÀI SẢN PHÁT SINH TỪ VĂN BẢN THỎA THUẬN**

*Số hiệu văn bản: 1089/2019/QĐ-TPB.RB*

*Ngày hiệu lực: 02/10/2019*

**A. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHO VAY**

**ĐIỀU 1. ĐIỀU KIỆN GIẢI NGÂN CHUNG**

TPBank giải ngân Khoản Vay nêu tại Hợp Đồng cho Khách Hàng sau khi Hợp Đồng có hiệu lực, không có Sự Kiện Vi Phạm và Khách Hàng đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây:

- 1.1** Khách Hàng đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, quy định về cho vay và nhận bảo đảm của TPBank trong từng thời kỳ phù hợp với quy định pháp luật;
- 1.2** Khách Hàng đồng ý thực hiện quy định về lãi suất cho vay và các nội dung khác liên quan đến Khoản Vay;
- 1.3** Khách Hàng đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân cụ thể theo quy định tại Hợp Đồng.

**ĐIỀU 2. CẤP VÀ SỬ DỤNG KHOẢN VAY**

- 2.1** TPBank có quyền từ chối cấp tín dụng hoặc dừng việc sử dụng Khoản Vay đối với Khách Hàng và thu hồi nợ trước hạn đối với Khoản Vay nếu (i) Khách Hàng không đáp ứng đầy đủ các nội dung, điều kiện cấp tín dụng, hoặc (ii) phát sinh bất cứ Sự Kiện Vi Phạm nào.
- 2.2** **Lãi suất cho vay, Lãi suất quá hạn, Lãi suất chậm trả, Phương thức và yếu tố tính lãi:**
  - a) Lãi suất cho vay (còn gọi là “lãi suất cho vay trong hạn”) được áp dụng và xác định theo Hợp Đồng và/hoặc văn bản nhận nợ của Khách Hàng và được điều chỉnh định kỳ theo thỏa thuận của hai Bên.
  - b) Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn được tính trên Dư Nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng trong trường hợp khoản nợ vay của Khách Hàng bị chuyển nợ quá hạn.
  - c) Lãi suất chậm trả: Bằng 10%/năm tính trên số dư lãi vay chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng khi Khách Hàng không trả đúng hạn tiền lãi vay theo quy định tại Hợp Đồng.
  - d) Phương thức tính lãi: Tiền lãi của Khoản Vay được tính hàng tháng, theo tỷ lệ %/năm, tính trên Dư Nợ vay thực tế và thời gian duy trì số Dư Nợ vay thực tế đó.
  - e) Nguyên tắc và yếu tố xác định lãi suất: trong trường hợp TPBank và Khách Hàng thỏa thuận áp dụng lãi suất điều chỉnh/lãi suất linh hoạt, TPBank và Khách Hàng thống nhất rằng lãi suất điều chỉnh/lãi suất linh hoạt sẽ được xác định dựa trên các yếu tố là lãi suất cơ sở, lãi suất bán vốn, lãi suất tiền gửi tiết kiệm hoặc các yếu tố khác theo quy định cụ thể tại Hợp Đồng và/hoặc văn bản nhận nợ của Khách Hàng đối với TPBank.
- 2.3** **Đồng tiền nhận nợ và đồng tiền trả nợ:**

Khách Hàng nhận nợ bằng đồng tiền nào thì trả nợ bằng đồng tiền đó. Trường hợp đồng tiền trả nợ hoặc đồng tiền thu được khi xử lý tài sản bảo đảm khác loại với đồng tiền nhận nợ thì TPBank có quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) tự động chuyển đổi sang đồng tiền nhận nợ theo tỷ giá do TPBank công bố tại ngày thu nợ. Thỏa thuận này thay cho hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Khách Hàng và TPBank.

#### **2.4 Thanh toán hoàn trả Khoản Vay:**

- a) Khách Hàng có nghĩa vụ hoàn trả, thanh toán cho TPBank Khoản Vay đầy đủ và đúng hạn theo thứ tự ưu tiên như sau: Chi phí, phí, bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm, các khoản phải trả khác (nếu có), nợ lãi chậm trả, nợ lãi quá hạn, nợ gốc quá hạn, nợ lãi trong hạn, nợ gốc trong hạn. Trường hợp ngày trả nợ không phải là Ngày Làm Việc thì Khách Hàng có trách nhiệm trả nợ vào Ngày Làm Việc tiếp theo liền kề hoặc Ngày Làm Việc liền kề trước đó, theo quy định của TPBank.
- b) Trường hợp trả nợ vay trước hạn hoặc trả nợ quá hạn, các bên thực hiện theo quy định tương ứng tại khoản 2.5, khoản 2.6 Điều này.

#### **2.5 Trả nợ vay trước hạn**

##### **2.5.1 Trả nợ tự nguyện:**

- a) Khách Hàng gửi văn bản thông báo trước ít nhất 03 Ngày Làm Việc kể từ thời điểm dự kiến trả nợ trước hạn, bằng một trong các phương thức quy định tại bản Điều Khoản Điều Khoản này, trong đó ghi rõ số tiền trả nợ trước hạn, ngày trả nợ, phương thức trả nợ; hoặc
- b) TPBank được quyền tự động thực hiện trích tài khoản của Khách Hàng tại TPBank để thu nợ trước hạn ngay khi nguồn tiền thanh toán được chuyển về tài khoản của Khách Hàng tại TPBank.

2.5.2 Thu hồi nợ trước hạn: Trường hợp Khách Hàng vi phạm quy định, TPBank được toàn quyền thu hồi nợ trước hạn. Khách Hàng phải trả cho TPBank phí trả nợ trước hạn theo quy định tại Hợp Đồng và/hoặc theo quy định của TPBank tại thời điểm trả nợ trước hạn.

2.5.3 Thứ tự thu nợ: Theo quy định tại khoản 2.4 Điều này.

#### **2.6 Chuyển nợ quá hạn, thu lãi quá hạn và lãi chậm trả**

- a) Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:
  - (i) TPBank thực hiện chuyển các khoản nợ gốc sang nợ quá hạn khi Khách Hàng không thanh toán các khoản nợ đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận tại Hợp Đồng hoặc trong thời hạn theo yêu cầu của TPBank trong trường hợp Khách Hàng phải trả nợ trước hạn.
  - (ii) Khách Hàng đồng ý rằng tại thời điểm Khách Hàng không thanh toán đúng hạn bất kỳ khoản nợ gốc và/hoặc lãi nào cho TPBank thì TPBank có toàn quyền chủ động chuyển toàn bộ Dư Nợ của Khách Hàng tại TPBank sang nợ quá hạn; Khách Hàng có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ Dư Nợ quá hạn của Khách Hàng cho TPBank ngay tại Thời điểm chuyển nợ quá hạn, đồng thời Khách Hàng phải trả lãi tiền vay cho TPBank theo quy định tại điểm c) khoản 2.6 này tính trên toàn bộ Dư Nợ gốc nêu trên.
  - (iii) Trường hợp TPBank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Khách Hàng hoặc TPBank thực hiện quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Khách Hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định tại Hợp Đồng

và/hoặc bản Điều Kiện Điều Khoản này, TPBank sẽ thông báo cho Khách Hàng về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Theo đó:

- Trường hợp được TPBank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Khách Hàng phải trả nợ gốc và lãi tiền vay cho TPBank theo nội dung cơ cấu lại thời hạn trả nợ được TPBank thông báo.
  - Trường hợp TPBank thực hiện quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn: Khách Hàng phải trả nợ gốc và lãi tiền vay cho TPBank tính trên số Dư Nợ bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với Dư Nợ bị quá hạn theo thông báo của TPBank.
- b) Thời điểm chuyển nợ quá hạn là ngày liền sau ngày Khách Hàng phải thanh toán nợ cho TPBank (bao gồm cả trường hợp khi Khách Hàng phải thanh toán theo Hợp Đồng, văn bản nhận nợ với TPBank và/hoặc khi TPBank thu hồi nợ trước hạn).
- c) Khi đến hạn thanh toán mà Khách Hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận, thì Khách Hàng phải trả lãi như sau:
- (i) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay trong hạn quy định tại điểm a) khoản 2.2 tương ứng với thời hạn cho vay mà đến hạn chưa trả;
  - (ii) Trường hợp Khách Hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm i) điểm này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại điểm c) khoản 2.2 tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;
  - (iii) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì Khách Hàng phải trả lãi trên Dư Nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng theo mức lãi suất quy định tại điểm b) khoản 2.2 tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- d) Thứ tự thu nợ: Đối với nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn của khoản vay, TPBank tiến hành thu nợ theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau.

## **2.7 Phục hồi nghĩa vụ trả nợ**

Trường hợp khoản tiền mà Khách Hàng đã trả nợ cho TPBank bị khấu trừ, thu giữ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì TPBank được phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu giữ, thu hồi. Khách Hàng có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho TPBank toàn bộ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với số tiền bị khấu trừ, thu giữ, thu hồi này theo đúng quy định tại Hợp Đồng trong thời hạn theo thông báo của TPBank

## **2.8 Phí, phạt:**

- a) Phí: loại phí và mức phí Khách Hàng phải thanh toán cho TPBank được áp dụng theo Biểu phí do TPBank công bố trong từng thời kỳ.
- b) Chi phí: Khách Hàng đồng ý thanh toán, hoàn trả cho TPBank các khoản chi phí thực tế phát sinh phù hợp với quy định pháp luật để thực hiện việc ký kết, thực hiện, duy trì Hợp Đồng trên cơ sở các chứng từ thanh toán cụ thể (chi phí công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm...).
- c) Phạt vi phạm: Khách Hàng phải chịu phạt vi phạm đối với bất kỳ vi phạm nào của Khách Hàng được quy định tại Hợp Đồng và bản Điều Kiện Điều Khoản này bằng 08% giá trị hợp đồng bị vi phạm, trừ vi phạm do chậm trả lãi, chậm trả gốc. Khi phát sinh vi phạm, TPBank sẽ thông báo bằng văn bản về số tiền phạt và thời hạn thanh

toán tiền phạt gửi đến Khách Hàng, văn bản thông báo có giá trị ràng buộc nghĩa vụ đối với Khách Hàng.

- d) Khách Hàng có trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại cho TPBank nếu Khách Hàng vi phạm nội dung đã thỏa thuận và gây thiệt hại cho TPBank.

## **2.9 Cơ cấu lại thời hạn trả nợ**

- a) Khách Hàng có nhu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ (điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ) phải gửi văn bản đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho TPBank trong thời hạn quy định tại Điều này, trong đó nêu rõ lý do cơ cấu, khả năng tài chính, thời hạn và nguồn trả nợ, phương án kinh doanh kèm theo các tài liệu chứng minh.
- b) TPBank xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở Khách Hàng đáp ứng quy định của TPBank từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật. Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán khoản phạt cơ cấu thời hạn trả nợ theo quy định tại thời điểm cơ cấu nợ.
- c) Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều này chỉ được thực hiện trước hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đến kỳ hạn, thời hạn trả nợ đã thỏa thuận tại Hợp Đồng và/hoặc văn bản nhận nợ của Khách Hàng với TPBank. Trong thời gian TPBank xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Khách Hàng, Khách Hàng vẫn phải có nghĩa vụ thực hiện trả nợ theo đúng quy định tại Hợp Đồng và/hoặc văn bản nhận nợ của Khách Hàng với TPBank

## **ĐIỀU 3. SỰ KIỆN VI PHẠM**

**3.1** Các trường hợp sau đây được coi là Sự Kiện Vi Phạm:

3.1.1 Khách Hàng xảy ra một trong các sự kiện sau:

- a) Không cung cấp hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không kịp thời hoặc không chính xác, trung thực.
- b) Sử dụng Khoản Vay không đúng mục đích.
- c) Không hoàn trả đúng và đủ Dư Nợ.
- d) Một phần hoặc toàn bộ tài sản bảo đảm, nguồn trả nợ bị xử lý, kê biên, thu giữ, thu hồi, phong tỏa theo quy định của pháp luật; bị mất, hư hỏng hoặc giảm sút giá trị không đủ theo tỷ lệ để bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách Hàng theo Hợp Đồng mà Khách Hàng không bổ sung, thay thế theo yêu cầu của TPBank.
- e) Vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước.
- f) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc ghi có, chuyên/nộp tiền với Giá trị ghi có tối thiểu vào tài khoản của Khách Hàng tại TPBank theo yêu cầu của TPBank (nếu có).
- g) Không tiếp tục làm việc tại cơ quan/đơn vị được TPBank chấp nhận cấp tín dụng đối với cán bộ nhân viên, thay đổi tiền lương, thu nhập dưới mức được các bên thỏa thuận hoặc không còn thực hiện thanh toán lương qua tài khoản tại TPBank.
- h) Khách Hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ với bất kỳ chủ nợ nào khác hoặc bị bất kỳ chủ nợ nào yêu cầu trả nợ trước hạn.
- i) Dư Nợ của Khách Hàng hoặc Dư Nợ của Khách Hàng và người liên quan của Khách Hàng theo quy định của pháp luật vượt quá giới hạn, tỷ lệ cấp tín dụng theo quy định của pháp luật.
- j) Vi phạm các quy định khác tại các Hợp Đồng và/hoặc bản Điều Khoản Điều Khoản này và/hoặc vi phạm nghĩa vụ trong giao dịch khác với TPBank.

- 3.1.2 Khi xảy ra các sự kiện khác mà theo đánh giá của TPBank:
- a) Có ảnh hưởng bất lợi đối với tài sản, tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Khách Hàng làm suy giảm khả năng trả nợ của Khách Hàng.
  - b) Thay đổi trong các chính sách, quy định của Nhà nước, pháp luật ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng thanh toán của Khách Hàng.
  - c) Thay đổi trong các chính sách, quy định của Nhà nước, của pháp luật dẫn đến làm thay đổi chính sách, quy định của TPBank khiến cho việc tiếp tục, duy trì Khoản Vay của Khách Hàng không còn phù hợp, không còn đáp ứng các chính sách, quy định của pháp luật hiện hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 3.2** Khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm, TPBank có quyền thực hiện một hoặc một số các biện pháp sau:
- a) Từ chối cấp hoặc dừng cấp Khoản Vay, chấm dứt/dừng giải ngân.
  - b) Thu hồi nợ trước hạn.
  - c) Xử lý bất cứ tài sản bảo đảm và tài sản khác của Khách Hàng để thu hồi nợ.
  - d) Các biện pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- 3.3 Xử lý trong trường hợp thu hồi nợ trước hạn**
- 3.3.1 Khi xảy ra một hoặc một số Sự Kiện Vi Phạm trên đây, TPBank có quyền căn cứ tình hình thực tế, lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định thu hồi nợ trước hạn. Khi TPBank quyết định thu hồi nợ trước hạn, TPBank sẽ thông báo cho Khách Hàng bằng một hoặc một số hình thức theo quy định tại bản Điều Khoản Điều Khoản này về thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất quá hạn áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn. Khi đó:
- a) Tất cả các khoản nợ gốc, lãi, phí, chi phí phải trả theo Hợp Đồng (dù đã đến hạn hay chưa đến hạn) đều trở thành khoản nợ đến hạn. Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán tất cả các khoản nợ này theo thời hạn được nêu tại thông báo;
  - b) TPBank có quyền thực hiện tất cả các biện pháp nghiệp vụ để thu hồi nợ. Các biện pháp này bao gồm: (i) Tự động trích/xử lý tài khoản thanh toán hoặc bất kỳ khoản tiền, tài sản nào khác của Khách Hàng tại TPBank để thu hồi nợ; (ii) Lập Ủy nhiệm thu để thu hồi nợ và thông báo cho Khách Hàng biết nếu Khách Hàng có tài khoản thanh toán hoặc bất kỳ khoản tiền nào tại tổ chức tín dụng khác; (iii) Xử lý tài sản bảo đảm (nếu có); (iv) Các biện pháp khác không trái pháp luật Việt Nam tại thời điểm áp dụng.
- 3.3.2 Nếu quá thời hạn nêu tại thông báo mà Khách Hàng không thanh toán đầy đủ các khoản nợ này thì TPBank có quyền chuyển nợ gốc chưa thanh toán sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc, lãi suất chậm trả đối với khoản tiền lãi không trả đúng hạn.
- 3.4 Xử lý trong trường hợp từ chối cấp, chấm dứt/dừng giải ngân:** Khi xảy ra một hoặc một số Sự Kiện Vi Phạm trên đây, TPBank có quyền gửi thông báo từ chối cấp, chấm dứt/dừng giải ngân Khoản Vay tới Khách Hàng cho đến khi có thông báo khác từ TPBank. Khách Hàng tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với những Khoản Vay đã giải ngân theo Hợp Đồng đã ký.

## B. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THẾ CHẤP TÀI SẢN

### ĐIỀU 4. THỜI HẠN, QUẢN LÝ, CHUYỂN GIAO

**4.1 Thời hạn bảo đảm:** Việc bảo đảm theo quy định tại Hợp Đồng này có hiệu lực cho đến khi thỏa mãn đồng thời và đầy đủ tất cả các điều kiện sau:

4.1.1 Khách Hàng đã thực hiện xong toàn bộ Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và không còn bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm gì với TPBank, và

4.1.2 Các bên đã tiến hành xong việc bàn giao Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm và ký kết Biên bản bàn giao Tài Sản Bảo Đảm/Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm để hoàn tất các thủ tục giải chấp, tất toán/thanh lý Hợp Đồng.

### **4.2 Quản lý Tài Sản Bảo Đảm:**

4.2.1 Bên Bảo Đảm cam kết Tài Sản Bảo Đảm đủ điều kiện để thế chấp theo quy định của pháp luật và chưa được thế chấp cho bất kỳ bên nào khác ngoài TPBank, kể cả thế chấp dưới hình thức quyền tài sản phát sinh từ Hợp Đồng Mua Bán hay Nhà ở hình thành trong tương lai. Bên Bảo Đảm có trách nhiệm phối hợp cùng TPBank thông báo cho chủ đầu tư dự án Nhà Ở về việc thế chấp Tài Sản Bảo Đảm nêu trên.

4.2.2 Trong thời gian bảo đảm, TPBank và Bên Bảo Đảm đồng ý rằng Tài Sản Bảo Đảm do Bên Bảo Đảm tự quản lý và sử dụng, khai thác theo đúng các mục đích sử dụng và chức năng bình thường của Tài Sản Bảo Đảm với điều kiện Bên Bảo Đảm chịu sự kiểm tra, giám sát của TPBank.

4.2.3 Trong thời gian bảo đảm, TPBank đồng ý cho Bên Bảo Đảm được đầu tư vào Tài Sản Bảo Đảm để làm tăng giá trị Tài Sản Bảo Đảm. Phần giá trị tài sản tăng thêm từ việc đầu tư vào Tài Sản Bảo Đảm cũng thuộc Tài Sản Bảo Đảm và TPBank có quyền thu giữ, xử lý, ưu tiên thanh toán đối với phần giá trị tài sản tăng thêm này.

4.2.4 Trong thời gian bảo đảm, Bên Bảo Đảm có thể rút bớt Tài Sản Bảo Đảm theo Hợp đồng này, nếu được TPBank đồng ý bằng văn bản. Các văn bản trao đổi giữa các Bên liên quan đến việc rút bớt Tài Sản Bảo Đảm (nếu có) là một phần đính kèm và không tách rời Hợp đồng này, theo đó các Bên không cần tiến hành sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Trường hợp Tài Sản Bảo Đảm thuộc đối tượng bắt buộc phải đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký thì các bên thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi phù hợp với quy định của pháp luật.

4.2.5 Trong quá trình Bên Bảo Đảm sử dụng Tài Sản, Bên Bảo Đảm đồng ý rằng TPBank có quyền kiểm tra, giám sát Tài Sản Bảo Đảm. Trong trường hợp, theo đánh giá của TPBank, Tài Sản Bảo Đảm có nguy cơ bị phương hại, hư hỏng hoặc thay đổi theo chiều hướng xấu hoặc Bên Bảo Đảm vi phạm nghĩa vụ theo Hợp Đồng này và/hoặc Hợp Đồng Cấp Tín Dụng, Bên Bảo Đảm đồng ý rằng TPBank được toàn quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để quản lý trực tiếp Tài Sản Bảo Đảm hoặc chỉ định người khác quản lý Tài Sản Bảo Đảm. Trong thời hạn TPBank yêu cầu, Bên Bảo Đảm có trách nhiệm bàn giao Tài Sản Bảo Đảm cho TPBank hoặc người do TPBank chỉ định tiếp nhận quản lý.

4.2.6 Bên Bảo Đảm có nghĩa vụ thông báo ngay cho TPBank các sự kiện: (i) Tài sản bị mất, hư hỏng, thiệt hại; (ii) Sự kiện có thể ảnh hưởng, gây thiệt hại tới Tài Sản Bảo Đảm. Bên Bảo Đảm phải chịu mọi rủi ro đối với Tài Sản Bảo Đảm và phải bổ sung, thay thế ngay tài sản bảo đảm khác được TPBank chấp thuận.

4.2.7 TPBank và Bên Bảo Đảm đồng ý thỏa thuận rằng, toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm, bao gồm không giới hạn các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài Sản chứng nhận bảo hiểm (nếu có) (sau đây gọi chung là "**Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm**") sẽ được Bên Bảo Đảm bàn giao cho TPBank quản lý. Hình thức, số lượng, loại Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm cần bàn giao sẽ thực hiện theo quy định của

TPBank. TPBank có trách nhiệm giữ và bảo quản hồ sơ tài sản trong suốt thời hạn bảo đảm.

#### **4.3 Chuyển giao Tài Sản Bảo Đảm, Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm:**

4.3.1 Khách Hàng có nghĩa vụ chuyển giao Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm cho TPBank chậm nhất vào thời điểm ký kết Hợp Đồng trừ trường hợp TPBank có chấp thuận khác tại địa điểm theo thông báo của TPBank. Việc chuyển giao phải được lập thành văn bản được ký kết giữa hai bên. Khách Hàng cam kết thanh toán các chi phí liên quan đến việc chuyển giao Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm (nếu có).

4.3.2 Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Khách Hàng hoặc để phù hợp với quy định của pháp luật, TPBank có quyền xem xét trong việc cấp bản sao Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm cho Khách Hàng, kèm theo các văn bản xác nhận của TPBank. Khách Hàng đồng ý rằng TPBank có quyền từ chối cung cấp các chứng từ này nếu Khách Hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo quy định tại Hợp Đồng và/hoặc Điều Kiện Điều Khoản này.

### **ĐIỀU 5. XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM**

**5.1** Trường hợp không có các sự kiện qui định tại Khoản 5.2 dưới đây, TPBank và Khách Hàng/Bên Bảo Đảm đồng ý rằng Tài Sản Bảo Đảm có thể được xử lý theo qui định, điều kiện sau:

5.1.1 Khách Hàng/Bên Bảo Đảm bán, chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm với sự chấp thuận trước bằng văn bản của TPBank, theo thủ tục, điều kiện được TPBank chấp thuận; hoặc ủy quyền cho TPBank bán, chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm;

5.1.2 Tiền thu được từ việc bán, chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm theo qui định tại khoản này được dùng để ưu tiên thanh toán Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

**5.2** TPBank và Khách Hàng/Bên Bảo Đảm đồng ý rằng Tài Sản Bảo Đảm sẽ bị xử lý để thu hồi nợ khi có một trong các sự kiện sau:

5.2.1 Đến hạn trả nợ mà Khách Hàng không trả nợ (gốc, lãi, phí, phạt và các chi phí khác) hoặc trả nợ không đầy đủ/đúng hạn hoặc không thực hiện đúng/đầy đủ Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo Hợp Đồng và các văn bản, thoả thuận có liên quan;

5.2.2 Khách Hàng không trả nợ (gốc, lãi, phí, phạt và các chi phí khác) đầy đủ, đúng hạn hoặc không thực hiện Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm đầy đủ, đúng hạn khi TPBank thu hồi nợ trước hạn hoặc Hợp Đồng bị vô hiệu, hủy bỏ, chấm dứt;

5.2.3 Tài Sản Bảo Đảm có nguy cơ hoặc thực tế bị mất giá trị hoặc giảm sút giá trị theo đánh giá của TPBank mà Khách Hàng không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ tài sản bảo đảm khác được TPBank đồng ý;

5.2.4 Phải xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo qui định của pháp luật, yêu cầu, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

5.2.5 Khách Hàng chết, mất tích, bị tuyên bố chết, hoặc bị tuyên bố mất tích;

5.2.6 Khách Hàng vi phạm bất cứ nghĩa vụ, quy định nào của Hợp Đồng và/hoặc bản Điều Kiện Điều Khoản này;

5.2.7 Các trường hợp khác không trái qui định của pháp luật hoặc theo yêu cầu/quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc theo thoả thuận bằng văn bản của các bên.

#### **5.3 Phương thức xử lý Tài Sản Bảo Đảm:**

5.3.1 Khi có sự kiện được qui định tại Khoản 5.2 trên đây, Khách Hàng/Bên Bảo Đảm đồng ý rằng TPBank được quyền quyết định và lựa chọn một, một số hoặc tất cả các phương thức xử lý Tài Sản Bảo Đảm sau đây:

- a. Nhân danh Khách Hàng/Bên Bảo Đảm bán, chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm theo phương thức, giá cả do TPBank xác định;
- b. TPBank tự mình hoặc ủy quyền bán, chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm (kể cả việc ủy quyền cho cơ quan thứ ba bán đấu giá Tài Sản Bảo Đảm) theo cách thức, giá cả do TPBank xác định;
- c. TPBank nhận một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm để trừ nợ;
- d. TPBank được trực tiếp thu, nhận tiền cho thuê, các khoản hoa lợi, lợi tức từ Tài Sản Bảo Đảm (nếu Tài Sản Bảo Đảm đang được cho thuê); hoặc trực tiếp khai thác, sử dụng, quản lý Tài Sản Bảo Đảm cho đến khi Tài Sản Bảo Đảm được xử lý để thu hồi, thực hiện xong toàn bộ Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.
- e. Trong thời gian chưa xử lý được Tài Sản Bảo Đảm, Khách Hàng/Bên Bảo Đảm ủy quyền cho TPBank được quyền khai thác, cho thuê một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm theo giá cả, thời hạn do TPBank quyết định;
- f. Các phương thức khác không trái với pháp luật tại thời điểm áp dụng.

5.3.2 Khách Hàng/Bên Bảo Đảm đồng ý và chấp nhận rằng TPBank có quyền (i) quyết định, lựa chọn một, một số, một phần hoặc tất cả, toàn bộ các Tài Sản Bảo Đảm để xử lý; (ii) quyết định xử lý Tài Sản Bảo Đảm vào bất cứ thời điểm nào sau ngày gửi thông báo xử lý Tài Sản Bảo Đảm tới Khách Hàng. Trong trường hợp đồng tiền thu được từ xử lý Tài Sản Bảo Đảm khác với đồng tiền để thực hiện Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, Khách Hàng/Bên Bảo Đảm đồng ý rằng TPBank có toàn quyền quyết định việc chuyển đổi sang loại tiền tệ phù hợp theo tỷ giá do TPBank quyết định để thu hồi nợ.

5.3.3 Khách Hàng/Bên Bảo Đảm theo đây:

- a. Cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi để TPBank xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo các qui định tại Điều này.
- b. Tự nguyện bàn giao Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm theo yêu cầu của TPBank và/hoặc bên thứ ba được TPBank ủy quyền. Theo đó, TPBank và/hoặc bên thứ ba được TPBank ủy quyền có quyền thu giữ Tài Sản Bảo Đảm nếu Khách Hàng vi phạm nghĩa vụ.
- c. Ủy quyền cho TPBank thực hiện cho thuê, cho mượn, bán/chuyển nhượng tài sản và ký kết các văn bản, giấy tờ có liên quan trong trường hợp Tài Sản Bảo Đảm phải xử lý;
- d. Ủy quyền cho TPBank trực tiếp nhận tất cả các khoản tiền bán, chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm từ Bên thứ ba trong trường hợp Tài Sản Bảo Đảm phải xử lý;
- e. Trong thời hạn bảo đảm, nếu Tài Sản Bảo Đảm bị thu hồi, bị buộc chuyển nhượng, chuyển đổi theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Khách Hàng/Bên Bảo Đảm đồng ý rằng mọi khoản tiền và/hoặc tài sản được đền bù/bồi thường, hỗ trợ hoặc chuyển nhượng, chuyển đổi (nếu có) sẽ do TPBank trực tiếp thu giữ và quản lý để thu hồi nợ vay, đồng thời Khách Hàng ủy quyền cho TPBank được yêu cầu Bên chi trả tiền bồi thường và/hoặc tài sản, hỗ trợ, chuyển đổi, chuyển nhượng (nếu có) trực tiếp thanh toán các khoản tiền hoặc giao tài sản cho TPBank.
- f. Khách Hàng/Bên Bảo Đảm đồng ý rằng sẽ không khiếu nại, khiếu kiện (nếu có) liên quan đến việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm được thực hiện bởi TPBank, đồng thời



miễn cho TPBank mọi khoản bồi thường thiệt hại (nếu có), trừ trường hợp có sự cố ý vi phạm của TPBank.

#### **5.4 Phân chia tiền thu được từ xử lý Tài Sản Bảo Đảm**

5.4.1 Số tiền thu được từ xử lý Tài Sản Bảo Đảm sau khi trừ:

- Các khoản chi phí cho việc thu hồi, khai thác, vận chuyển, cho thuê tài sản, quản lý, giữ gìn, bảo quản tài sản, bảo hiểm tài sản, bảo dưỡng tài sản, định giá, bán, đấu giá Tài Sản Bảo Đảm và toàn bộ các chi phí khác liên quan đến xử lý tài sản,...;
- Các khoản án phí, phí thi hành án (nếu có) trong trường hợp đang trong quá trình khởi kiện hoặc thi hành án mà Khách Hàng/Bên Bảo Đảm tự nguyện bàn giao Tài Sản Bảo Đảm cho TPBank xử lý dẫn đến việc TPBank phải rút đơn khởi kiện hoặc rút yêu cầu thi hành án;

sẽ được dùng để thanh toán Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo thứ tự: Nợ gốc, nợ lãi, phí, nợ quá hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại (nếu có). Nếu còn thiếu thì Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán tiếp cho TPBank số tiền còn thiếu. Nếu còn dư thì TPBank sẽ trả cho Khách Hàng/Bên Bảo Đảm số tiền dư này sau khi đã hoàn thành việc xử lý các nghĩa vụ khác đến hạn của Khách Hàng đối với TPBank (nếu có).

5.4.2 Trường hợp Khách Hàng/Bên Bảo Đảm phải thực hiện các nghĩa vụ khác đến hạn đối với TPBank, số tiền còn dư thu được từ xử lý Tài Sản Bảo Đảm (sau khi trừ đi các chi phí và thanh toán Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm) theo quy định tại mục 5.4.1 nêu trên cũng sẽ được dùng để thanh toán, hoàn trả các nghĩa vụ này của Khách Hàng đối với TPBank.

5.4.3 Xác định giá bán tài sản và tổ chức bán tài sản: Hai bên thống nhất trình tự xác định giá bán tài sản và tổ chức bán tài sản như sau:

- a. Giá bán tài sản được TPBank xác định hoặc thuê bên thứ ba xác định và thông báo cho Khách Hàng;
- b. Trong thời hạn theo thông báo của TPBank, nếu Khách Hàng không nộp tiền hoặc chỉ định/giới thiệu người mua tài sản với mức giá ít nhất bằng giá do TPBank thông báo, TPBank có quyền xử lý tài sản theo mức giá đã thông báo cho Khách Hàng.
- c. Trường hợp TPBank xử lý tài sản theo Giá bán tài sản được xác định theo Điểm (b) trên đây mà tài sản vẫn không bán được, thì TPBank được quyền giảm giá bán tài sản và tổ chức thực hiện bán, chuyển nhượng tài sản cho đến khi bán được Tài Sản.

**5.5** TPBank được trực tiếp nhận: (i) tất cả các khoản tiền hoặc tài sản có được từ việc bán, chuyển nhượng, chuyển đổi, thanh lý Tài Sản Bảo Đảm; (ii) tiền đền bù từ việc thu hồi, tịch thu Tài Sản Bảo Đảm từ Bên thứ ba hoặc Bên có nghĩa vụ thanh toán trong trường hợp Tài Sản Bảo Đảm phải xử lý theo qui định tại Điều này.

**5.6** Trong trường hợp Tài Sản Bảo Đảm được dùng để bảo đảm cho nhiều nghĩa vụ của Khách Hàng tại TPBank, nếu phải xử lý Tài Sản Bảo Đảm để thực hiện một nghĩa vụ, thì các nghĩa vụ khác tuy chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và TPBank tiến hành xử lý Tài Sản Bảo Đảm để thu hồi nợ phù hợp với các quy định tại Hợp Đồng này, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác.

## C. QUY ĐỊNH CHUNG KHÁC

### ĐIỀU 6. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

- 6.1 Trừ khi có quy định rõ ràng hay ngữ cảnh yêu cầu phải được hiểu khác đi, trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
- 6.1.1 “**Khách Hàng**” cá nhân vay vốn và thế chấp tài sản tại TPBank.
- 6.1.2 “**TPBank**”, là tên viết tắt của Ngân hàng TMCP Tiên Phong, bao gồm Hội sở chính và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc với tư cách là bên cho vay và nhận thế chấp tài sản từ Khách Hàng.
- 6.1.3 “**Hợp Đồng**” là cách gọi tắt của Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp tài sản phát sinh từ Hợp đồng, cùng tất cả các sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản kèm theo khác, bao gồm các điều khoản thỏa thuận cụ thể về cho vay và thế chấp tài sản giữa Khách Hàng và TPBank.
- 6.1.4 “**Điều Kiện Điều Khoản Chung Về Cho Vay Và Thế Chấp Tài Sản Phát Sinh Từ Hợp Đồng**” hoặc “**Điều Kiện Điều Khoản**” là bản điều kiện điều khoản này, bao gồm các điều khoản thỏa thuận chung về cho vay và thế chấp tài sản giữa Khách Hàng và TPBank.
- 6.1.5 “**Khoản Vay**” là các khoản TPBank cho Khách Hàng vay một khoản tiền để sử dụng vào mục đích được quy định tại Hợp Đồng trong một khoảng thời gian nhất định với nguyên tắc có hoàn trả.
- 6.1.6 “**Dư Nợ**” là toàn bộ số tiền nợ (bao gồm dư nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại, các khoản chi phí khác phát sinh) theo Hợp Đồng mà Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán cho TPBank.
- 6.1.7 “**Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm**” là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí, phạt, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ khác qui định tại Hợp Đồng được ký kết giữa Khách Hàng với TPBank.
- 6.1.8 “**Bên Bảo Đảm**” là Khách Hàng hoặc Bên thứ ba dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của mình để bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng của Khách hàng đối với TPBank.
- 6.1.9 “**Ngày Làm Việc**” là ngày mà TPBank mở cửa và hoạt động bình thường, ngoại trừ các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật hoặc ngày nghỉ bù.
- 6.1.10 “**Sự Kiện Vi Phạm**” là các sự kiện được quy định tại Điều 3 bản Điều Kiện Điều Khoản này.
- 6.2 Nguyên tắc giải thích
- 6.2.1 Những định nghĩa và thuật ngữ không được quy định tại Điều Kiện Điều Khoản Chung Về Cho Vay Và Thế Chấp Tài Sản này sẽ được áp dụng và giải thích theo đúng quy định của pháp luật.
- 6.2.2 Nếu có sự mâu thuẫn giữa nội dung của một điều khoản cụ thể và đề mục của điều khoản đó thì sẽ áp dụng nội dung của điều khoản để giải quyết các vấn đề được đặt ra trong phạm vi điều khoản đó.

### ĐIỀU 7. CAM KẾT VÀ BẢO ĐẢM

Khách Hàng/Bên Bảo Đảm theo đây cam kết và bảo đảm rằng:

- 7.1 Tuân thủ các quy định, chính sách của pháp luật và của TPBank liên quan đến việc cấp tín dụng và trong trường hợp các quy định, chính sách này có thay đổi, Khách

- Hàng/Bên Bảo Đảm cam kết sẽ thực hiện theo đúng các quy định, chính sách đã được thay đổi đó.
- 7.2 Trong trường hợp TPBank có yêu cầu, Khách Hàng/Bên Bảo Đảm thực hiện mua bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm phù hợp với quy định tại Hợp Đồng được ký kết giữa TPBank và Khách Hàng/Bên Bảo Đảm .
  - 7.3 Rút vốn đúng thời hạn đã cam kết hoặc thỏa thuận với TPBank và đồng ý thanh toán mọi khoản phí liên quan theo Biểu phí của TPBank trong trường hợp vi phạm cam kết rút vốn theo quy định tại Hợp Đồng và/hoặc các văn bản nhận nợ của Khách Hàng/Bên Bảo Đảm với TPBank.
  - 7.4 Tài Sản Bảo Đảm thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình, hiện không có bất kỳ tranh chấp, kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc có bất kỳ ràng buộc, hạn chế nào.
  - 7.5 Chưa đem bán, tặng cho, trao đổi, thế chấp, định đoạt hoặc dùng tài sản làm tài sản bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào, chưa kê khai làm vốn của bất cứ doanh nghiệp nào.
  - 7.6 Các hồ sơ, thông tin, tài liệu, dữ liệu cung cấp cho TPBank là đúng đắn, chân thực.
  - 7.7 Trong thời hạn bảo đảm cho TPBank, Khách Hàng/Bên Bảo Đảm không đem bán, tặng, cho thuê, cho mượn, đổi, thế chấp, cầm đồ, cầm cố hoặc dùng Tài Sản Bảo Đảm để bảo đảm cho bất cứ nghĩa vụ nào dưới bất cứ một hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của TPBank. Trong trường hợp bán, chuyển nhượng tài sản với sự chấp thuận của TPBank, các khoản thanh toán, thu nhập từ việc bán tài sản (đã thu và sẽ thu được) là tài sản bảo đảm thay thế. Mọi khoản thu nhập, thanh toán trong trường hợp này phải được trả trực tiếp vào tài khoản của TPBank hoặc tài khoản của Khách Hàng/Bên Bảo Đảm tại TPBank nếu được TPBank chấp thuận.
  - 7.8 Đồng ý rằng TPBank được quyền thực hiện các biện pháp tìm hiểu, xác minh hoặc chia sẻ/công bố các thông tin liên quan tới Khách Hàng/Bên Bảo Đảm và/hoặc Tài Sản Bảo Đảm với bất kỳ bên thứ ba nào khác hoặc trên bất cứ phương tiện thông tin đại chúng nào mà TPBank cho là cần thiết.
  - 7.9 Trong trường hợp khoản tiền Khách Hàng hoàn trả Khoản Vay cho TPBank bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh/quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho TPBank trong vòng 15 ngày kể từ ngày TPBank thông báo về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. Khách Hàng chấp nhận việc TPBank phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như Khách Hàng chưa thanh toán số nợ tương ứng số tiền bị khấu trừ, thu hồi).
  - 7.10 Trong trường hợp TPBank phải thu hồi nợ, kể cả thu hồi nợ trước hạn, đồng ý rằng TPBank có quyền xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Khách Hàng/Bên Bảo Đảm để thu hồi nợ.
  - 7.11 Chấp nhận rằng các thông báo lãi suất, tính toán gốc, lãi, phí, phạt, chi phí... đã được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng này là có giá trị ràng buộc nghĩa vụ của Khách Hàng/Bên Bảo Đảm đối với TPBank, trừ trường hợp có sự sai sót rõ ràng trong tính toán số học hoặc không phù hợp với quy định pháp luật.
  - 7.12 Đồng ý ủy quyền toàn bộ và không hủy ngang cho TPBank thực hiện các biện pháp sau để thu hồi các khoản nợ (gốc, lãi), phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho TPBank:

- a) Thu hồi mọi tài sản và nguồn thu của cá nhân tương ứng với phần Dư Nợ còn thiếu;
  - b) Yêu cầu bên nắm giữ tài sản của Khách Hàng/Bên Bảo Đảm chuyển giao tài sản cho TPBank;
  - c) Tự động tạm khóa (tạm dừng giao dịch) tài khoản và toàn quyền chủ động trích tiền trên tài khoản (bao gồm nhưng không giới hạn tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm, tài khoản tiền gửi...), hợp đồng tiền gửi, bất kỳ tài sản gửi nào khác của Khách Hàng tại TPBank để thu hồi nợ;
  - d) Lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức nơi Khách Hàng mở tài khoản, gửi tiền và/hoặc tài sản trích tiền và tài sản đó để chuyển cho TPBank mà không cần thông báo hay có sự chấp thuận trước của Khách Hàng.
- 7.13 Đồng ý rằng khi có Sự Kiện Vi Phạm, TPBank có quyền áp dụng một, một số hoặc đồng thời tất cả các biện pháp sau:
- a) Tạm dừng thực hiện và/hoặc tuyên bố hủy bỏ các văn bản, cam kết giải ngân theo Hợp Đồng; hoặc
  - b) Điều chỉnh lãi suất cho vay quy định tại Hợp Đồng và áp dụng cho toàn bộ Dư Nợ của Hợp Đồng trong thời gian tiếp theo kể từ ngày điều chỉnh lãi suất phù hợp với quy định pháp luật. Mức lãi suất điều chỉnh sẽ theo thỏa thuận của TPBank và Khách Hàng. Trường hợp Khách hàng không chấp nhận điều chỉnh lãi suất cho vay thì TPBank sẽ áp dụng theo quy định tại điểm a Khoản 8.7 Điều này.
- 7.14 Khách Hàng/Bên Bảo Đảm đồng ý và chấp thuận rằng TPBank được cung cấp thông tin liên quan đến Khách hàng, Khoản Vay, Tài Sản Bảo Đảm cho bên thứ ba theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức khác phù hợp với quy định của pháp luật (Cơ Quan có thẩm quyền, Trung tâm thông tin tín dụng (CIC), Tổ chức thông tin tín dụng, luật sư (trong trường hợp TPBank tham gia vụ kiện liên quan đến Khoản Vay của Khách Hàng), bên bảo đảm, kiểm toán, tổ chức xếp hạng tín dụng, bên mua nợ (trong quan hệ mua bán nợ với TPBank liên quan đến Khoản Vay của Khách Hàng ) hoặc bất kỳ bên thứ ba (tổ chức, cá nhân) nào khác trong quá trình TPBank xem xét cấp tín dụng, quản lý, thu hồi nợ đối với Khách Hàng/Bên Bảo Đảm phù hợp với quy định pháp luật. Thỏa thuận này đồng thời là văn bản thông báo của TPBank cho Khách Hàng/Bên Bảo Đảm theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TPBANK**

- 8.1 Từ chối, tạm dừng giải ngân Khoản Vay nếu Khách Hàng không đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Hợp đồng này.
- 8.2 Kiểm tra, theo dõi, giám sát việc sử dụng Khoản Vay và Tài Sản Bảo Đảm của Khách Hàng, nếu pháp luật có yêu cầu và/hoặc TPBank thấy cần thiết.
- 8.3 Yêu cầu một bên khác đang quản lý, sử dụng Tài Sản Bảo Đảm phải chấm dứt việc sử dụng và/ hoặc bàn giao Tài Sản Bảo Đảm, nếu việc sử dụng làm mất giá trị hoặc giảm sút giá trị của tài sản đó; hoặc yêu cầu bên chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật Tài Sản Bảo Đảm trả lại tài sản; thu giữ Tài Sản nếu một bên khác đang quản lý, sử dụng Tài Sản không tự nguyện bàn giao.
- 8.4 Thực hiện các biện pháp tìm hiểu, xác minh hoặc chia sẻ/công bố các thông tin liên quan tới Khách Hàng và/hoặc Tài Sản Bảo Đảm với bên khác hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng cho mục đích quản lý, giám sát và xử lý Tài Sản Bảo Đảm.

- 8.5 Chuyển nhượng khoản nợ (bán nợ) và các quyền khác phát sinh từ Hợp Đồng phù hợp với quy định về hoạt động mua, bán nợ của Ngân hàng nhà nước; chuyển giao khoản nợ cho các chi nhánh, đơn vị khác thuộc TPBank quản lý hoặc ủy quyền thực hiện công việc nhằm quản lý khoản nợ, thu nợ. Việc chuyển giao, chuyển nhượng khoản nợ hoặc ủy quyền theo Hợp Đồng bao gồm cả việc chuyển giao các quyền, nghĩa vụ của các biện pháp bảo đảm liên quan đến Hợp Đồng.
- 8.6 Cấp Khoản Vay cho Khách Hàng theo đúng điều khoản, điều kiện đã được thỏa thuận.
- 8.7 Bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của Khách Hàng trừ trường hợp được phép cung cấp theo thỏa thuận tại Hợp Đồng, bản Điều Kiện Điều Khoản này, phù hợp với quy định của pháp luật.
- 8.8 Bồi thường thiệt hại phát sinh trên thực tế cho Khách Hàng trong trường hợp vi phạm các quy định gây thiệt hại cho Khách Hàng.
- 8.9 Hoàn trả lại cho Khách Hàng Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc Tài Sản Bảo Đảm khi Khách Hàng hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo quy định tại Hợp Đồng.
- 8.10 Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng và bản Điều Kiện Điều Khoản này, các văn bản, cam kết liên quan, quy định, chính sách của TPBank và của pháp luật.

## **ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG**

- 10.1 Được TPBank cấp Khoản Vay nếu đáp ứng các điều kiện theo thỏa thuận.
- 10.2 Được đề nghị TPBank xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ nếu Khách Hàng đáp ứng các điều kiện quy định.
- 10.3 Khiếu nại, khởi kiện nếu TPBank vi phạm các thỏa thuận.
- 10.4 Cung cấp đầy đủ, trung thực cho TPBank các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp Đồng, các tài liệu chứng minh việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.
- 10.5 Sử dụng Khoản Vay theo đúng mục đích và thanh toán đầy đủ và đúng hạn Dư Nợ cho TPBank hoặc Bên nhận chuyển nhượng (nếu có).
- 10.6 Thanh toán đúng, đầy đủ Dư Nợ cho TPBank theo quy định tại Hợp Đồng và/hoặc các văn bản nhận nợ của Khách Hàng đối với TPBank.
- 10.7 Khách Hàng chấp nhận rằng các thông báo, ấn định lãi suất, tính toán gốc, lãi, phí, phạt, chi phí... của TPBank đối với Khách Hàng có giá trị ràng buộc nghĩa vụ của Khách Hàng, trừ trường hợp có sự sai sót rõ ràng trong tính toán số học hoặc không phù hợp với quy định pháp luật. Theo đó, Khách Hàng đảm bảo thiết lập, duy trì việc tiếp nhận thông báo của TPBank theo đúng địa chỉ, phương tiện (email/ điện thoại...) nêu tại Hợp Đồng.
- 10.8 Nhận lại Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm khi Khách Hàng hoàn thành Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm hoặc khi nghĩa vụ đó được đảm bảo bằng biện pháp khác theo thỏa thuận bằng văn bản với TPBank. Trường hợp Tài Sản Bảo Đảm thuộc sở hữu của nhiều người thì một, một số hoặc tất cả những người cùng sở hữu Tài Sản Bảo Đảm hoặc người được ủy quyền hợp pháp của người này có thể nhận lại Tài Sản

Bảo Đảm và/hoặc Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm sau khi toàn bộ các nghĩa vụ bảo đảm được hoàn thành; kể từ thời điểm bàn giao, TPBank không chịu bất kỳ trách nhiệm liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm.

- 10.9 Thông báo cho TPBank về quyền của người thứ ba đối với Tài Sản Bảo Đảm (nếu có). Trong trường hợp không thông báo thì Khách Hàng đồng ý rằng TPBank có quyền huỷ Hợp Đồng và yêu cầu Khách Hàng bồi thường thiệt hại.
- 10.10 Từ bỏ mọi quyền khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến Tài Sản và/hoặc Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm sau khi Tài Sản và/hoặc Hồ sơ Tài Sản Bảo Đảm đã được TPBank hoàn trả cho Khách Hàng.
- 10.11 Miễn trách cho TPBank đối với các thiệt hại gây ra bởi các khiếm khuyết về mặt bản chất, chất lượng hay thiếu sót của Tài Sản; thiệt hại do những hao mòn và rách vỡ một cách hợp lý của Tài Sản gây ra bởi sự di chuyển và va đập thông thường khi vận chuyển; thiệt hại đối với Tài Sản gây ra do trong Tài Sản có chứa các vật dụng khác như các đồ vật dễ vỡ, dễ cháy, nổ...không đúng với mô tả Tài Sản theo quy định tại Hợp Đồng; thiệt hại gây ra do những sự kiện bất khả kháng.
- 10.12 Bổ sung Tài Sản Bảo Đảm phù hợp với quy định tại Hợp Đồng.
- 10.13 Trường hợp Khách Hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ với TPBank do xảy ra sự kiện bất khả kháng thì Khách Hàng vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện toàn bộ nghĩa vụ với TPBank. Sự kiện bất khả kháng không là căn cứ để miễn trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của Khách Hàng với TPBank.
- 10.14 Chịu phạt vi phạm và bồi thường mọi thiệt hại cho TPBank nếu Khách Hàng vi phạm nội dung đã thỏa thuận.
- 10.15 Chấp thuận việc TPBank chuyển nhượng khoản nợ (bán nợ) và các quyền khác phát sinh từ Hợp đồng này phù hợp với quy định về hoạt động mua, bán nợ của Ngân hàng nhà nước; chuyển giao khoản nợ cho các chi nhánh, đơn vị khác thuộc TPBank quản lý hoặc ủy quyền thực hiện công việc nhằm quản lý khoản nợ, thu nợ. Việc chuyển giao, chuyển nhượng khoản nợ hoặc ủy quyền theo Hợp Đồng bao gồm cả việc chuyển giao các quyền, nghĩa vụ của các biện pháp bảo đảm liên quan đến Hợp Đồng.
- 10.16 Thực hiện đúng các cam kết, bảo đảm và các nghĩa vụ khác và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để TPBank thực hiện các thỏa thuận theo quy định tại Hợp Đồng, bản Điều Khoản Điều Khoản này và quy định pháp luật.

## **ĐIỀU 10. SỰ MINH BẠCH**

- 11.1 Khách Hàng được sử dụng tín dụng tại TPBank luôn được TPBank đảm bảo sự minh bạch trong thông tin, chính sách và biểu phí áp dụng đối với Khách Hàng.
- 11.2 Mọi chính sách về lãi suất, phí, chi phí, phạt Khách Hàng phải thanh toán khi sử dụng tín dụng tại TPBank đều được TPBank đảm bảo nhất quán, thống nhất theo tiêu chí chung của TPBank trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.
- 11.3 Ngoài các mức phí đã quy định tại Hợp Đồng và/hoặc biểu phí của TPBank, hoặc các chi phí, phạt theo thỏa thuận chính thức bằng văn bản giữa TPBank và Khách Hàng, TPBank không cho phép cán bộ TPBank yêu cầu Khách Hàng thanh toán thêm bất kỳ chi phí nào.

- 11.4 TPBank luôn tuân thủ và đề cao quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Mọi hành vi nhận hối lộ, yêu sách của cán bộ TPBank đối với Khách Hàng đều bị nghiêm cấm tại TPBank. TPBank kiên quyết xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm này.
- 11.5 Khách Hàng cam kết trong suốt quá trình sử dụng tín dụng tại TPBank sẽ không đưa tiền, quà cáp, biếu xén, các lợi ích khác hay thực hiện bất kỳ hành động nào kể cả với mục đích cảm ơn hay vì bất kỳ động cơ nào khác nhằm tạo điều kiện cho cán bộ TPBank vi phạm đạo đức nghề nghiệp, ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của TPBank. Đồng thời thông báo kịp thời cho TPBank qua các kênh tiếp nhận thông tin chính thức của TPBank<sup>1</sup> nếu phát hiện bất kỳ hành vi vi phạm nào của cán bộ TPBank. TPBank sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong trường hợp Khách Hàng vi phạm cam kết này.

## **ĐIỀU 11. THÔNG BÁO VÀ ỦY NHIỆM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

- 12.1 Khách Hàng đồng ý việc thực hiện Hợp Đồng, ký kết các văn bản, chứng từ liên quan đến rút vốn, nhận nợ và các văn bản, tài liệu khác liên quan được thực hiện bởi một, một số hoặc tất cả trong những người thuộc Khách Hàng ký tên trên Hợp Đồng đều có giá trị pháp lý ràng buộc Khách Hàng.
- 12.2 Khách Hàng có trách nhiệm thông báo cho TPBank trong vòng 05 ngày kể từ ngày Khách Hàng phát sinh bất kỳ sự kiện nào làm thay đổi thông tin, hiện trạng và/hoặc có ảnh hưởng đến đến tình hình sử dụng Khoản Vay của Khách Hàng tại TPBank.
- 12.3 Mọi thông báo, trao đổi thông tin giữa TPBank và Khách Hàng được thực hiện theo địa chỉ và các kênh thông tin (như sms, email, fax...) của các Bên được ghi nhận tại phần đầu Hợp Đồng. Mọi thông báo, đăng ký thay đổi thông tin của Khách Hàng có giá trị hiệu lực sau 05 ngày kể từ ngày TPBank nhận được thông báo từ Khách Hàng.
- 12.4 Các thông báo, cung cấp thông tin giữa các bên liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng được gửi, nhận bằng một trong các phương thức gửi trực tiếp, đường bưu điện và/hoặc bằng phương tiện điện tử như fax, email, tin nhắn đến địa chỉ của mỗi Bên tại phần đầu Hợp Đồng hoặc địa chỉ theo thông báo thay đổi của mỗi bên từng thời kỳ. Việc thông báo, trao đổi thông tin liên quan đến Hợp Đồng do một Bên lập và gửi tới Bên kia được coi là đã được nhận nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- Văn bản giấy được gửi trực tiếp tại địa chỉ được quy định tại Hợp Đồng.
  - Hai Ngày Làm Việc liền ngay sau ngày văn bản giấy được gửi bằng thư bảo đảm hoặc bốn Ngày Làm Việc liền sau ngày văn bản giấy gửi đường bưu điện thông thường tới địa chỉ được quy định tại Hợp Đồng.
  - Vào Ngày Làm Việc liền ngay sau ngày văn bản được gửi bằng fax tới số fax được thoả thuận tại Hợp Đồng và máy fax đã thông báo gửi thành công.
  - Vào ngày email, tin nhắn của mỗi Bên gửi thành công tới địa chỉ email, số điện thoại của Bên kia.

---

<sup>1</sup> Website: <https://tpb.vn>

Call Center: 1900 58 58 85/ 1800 58 58 85/ (024) 37 683683